TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con và nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn D Hùng

Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, T phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, T phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con và nợ chung"* theo Nuyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/NĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, Nuyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/NĐST-HNGĐ ngày 24/5/2022, Nuyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 22/6/2022, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 09/TB-TA ngày 12/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thế Mỹ N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Q, xã Hòa L, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Ngô M, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Q, xã Hòa L, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có Nuyền lợi, nghĩa vụ L Nuan:

- Ngân hàng S. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy Nuyền: Ông Đoàn Ngọc C – Giám đốc Phòng giao dịch huyện Hòa V; địa chỉ: Khu Trung tâm hành chính huyện Hòa V – Thôn Dương Lâm 1, xã Hòa P, huyện Hòa V, T phố Đà Nẵng (theo Nuyết định ủy Nuyền số 7300/NĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc ngân hàng CSXHVN); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ngân hàng N. Địa chỉ: S, phường T C, Nuận Ba D, T phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy Nuyền: Bà Lê Thị Thanh N – Chức vụ: Giám đốc NHNN Chi nhánh Khu C nghiệp

H– Phòng giao dịch Hòa S; địa chỉ: Thôn 1, xã Hòa S, huyện Hòa V, T phố Đà Nẵng (theo Văn bản ủy Quyền số 56/UN.NHN0KCNHK ngày 20/5/2022; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, các Biên bản hòa giải, Văn bản thỏa thuận ngày 22/6/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thế Mỹ N trình bày:

Về Nuan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thế Mỹ N xác định bà và ông Ngô M kết hôn với nhau vào năm 2011, nhưng do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên đã ly hôn trong năm 2011. Sau đó, do hai người còn tình C nên đã tại hôn và đăng ký kết hôn lại vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa L, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn Q, xã Hòa L, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng. Trong Nuá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng không có sự tin tưởng, ông M có tính vũ phu và bạo lực gia D, gia D hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng tình C vợ chồng không hàn gắn được. Hiện hai người đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Nay bà N nhận thấy tình C giữa vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không Đ được nên bà N yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Ngô M.

- Về Nuan hệ con chung: Bà Nguyễn Thế Mỹ N xác định bà và ông Ngô M có 02 (hai) con chung là Ngô Anh P, sinh ngày 27/7/2011 và Ngô Anh Đ, sinh ngày 16/10/2015. Ly hôn bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, yêu cầu ông M cấp dưỡng hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000đ/01 con/tháng), đến khi lần lượt từng con đủ 18 tuổi.

Trường hợp bà N không được nuôi hai con, thì bà xin được trực tiếp nuôi con Ngô Anh P, sinh ngày 27/7/2011 và giao con Ngô Anh Đ, sinh ngày 16/10/2015 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thế Mỹ N không yêu cầu Tòa án giải Nuyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thế Mỹ N xác định bà và ông Ngô M có ký hợp đồng vay Ngân hàng S - Phòng giao dịch huyện Hòa Vang số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số: 23056/2020/HĐ-TD ngày 20/11/2020, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 23/11/2025, lãi suất vay 7,92%, lãi suất Nuá hạn 10,2960%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 23 hàng tháng, bắt đầu từ 23/5/2021 mỗi tháng 5.000.000 đồng, mục đích để hỗ trợ việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và 10.000.000 đồng theo Sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ ngày 23/5/2020, mã món vay: 6600000719260087, mã khách hàng 7072130655, lãi suất 9,0%/năm, lãi suất quá hạn 11,70%/năm, thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần, số tiền trả 1.000.000 đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 23/11/2025, định kỳ trả nợ hang tháng vào ngày 23, mục đính vay nước sạch vệ sinh môi trường. Vay Ngân hàng N - Chi nhánh Khu C nghiệp Hòa Khánh Nam – Phòng giao dịch Hòa Sơn số tiền 90.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 2013-LAV-202000629 ngày 19/6/2020, lãi suất 10%/năm, lãi suất Nuá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả 10%, mục đích vay Chăn nuôi, sửa chữa chuồng trại,

buôn bán nhỏ, mua sắm vặt dụng sinh hoạt, thời hạn vay 36 tháng. Nuá trình vay, đến ngày 21/7/2022 còn nợ Ngân hàng S - Phòng giao dịch huyện Hòa Vang số tiền 57.227.214 đồng và nợ Ngân hàng N - Chi nhánh Khu C nghiệp Hòa Khánh Nam – Phòng giao dịch Hòa Sơn số tiền 45.295.479 đồng. Ly hôn, bà N và ông M thỏa thuận: Ông M trả cho Ngân hàng N số tiền 20.000.000 đồng, số tiền gốc và lãi còn lại bà N có nghĩa vụ trả cho ngân hang. Ông M trả cho Ngân hàng S - Phòng giao dịch huyện Hòa Vang số tiền gốc và lãi phát sinh.

Bị đơn ông Ngô M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng Nuá trình giải Nuyết vụ án đã có Bản tự khai, Biên bản hòa giải, Văn bản thỏa thuận ngày 22/6/2022 đã trình bày:

- Về Nuan hệ hôn nhân: Ông Ngô M xác nhận thời gian, địa điểm đăng ký, kết hôn trên cơ sở tự nguyện như bà Nguyễn Thế Mỹ N đã trình bày là đúng. Trong Nuá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà N ngoại tình, gia D hai bên đã vào can thiệp hòa giải nhưng không có kết Nuả, hiện hai người đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Nay ông M nhận thấy tình C giữa vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không Đ được nên ông M đồng ý ly hôn với bà N.

- Về Nuan hệ con chung: Ông Ngô M xác định ông và bà Nguyễn Thế Mỹ N có hai con chung là Ngô Anh P, sinh ngày 27/7/2011 và Ngô Anh Đ, sinh ngày 16/10/2015. Ly hôn, ông M xin được trực tiếp nuôi con Ngô Anh Đ, sinh ngày 16/10/2015 và giao con Ngô Anh P, sinh ngày 27/7/2011 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: Ông Ngô M không yêu cầu Toà án giải Nuyết.

- Về nợ chung: Ông Ngô M xác định ông và bà Nguyễn Thế Mỹ N có vay Ngân hàng S - Phòng giao dịch huyện Hòa Vang số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số: 23056/2020/HĐ-TD ngày 20/11/2020, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 23/11/2025, lãi suất vay 7,92%, lãi suất Nuá hạn 10,2960%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 23 hàng tháng, bắt đầu từ 23/5/2021 mỗi tháng 5.000.000 đồng, mục đích để hỗ trợ việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và 10.000.000 đồng theo Sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ ngày 23/5/2020, mã món vay: 6600000719260087, mã khách hàng 7072130655, lãi suất 9,0%/năm, lãi suất Nuá hạn 11,70%/năm, thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần, số tiền trả 1.000.000 đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 23/11/2025, định kỳ trả nợ hàng tháng vào ngày 23, mục đính vay nước sạch vệ sinh môi trường. Vay Ngân hàng N - Chi nhánh Khu C nghiệp Hòa Khánh Nam – Phòng giao dịch Hòa Sơn số tiền 90.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 2013-LAV-202000629 ngày 19/6/2020, lãi suất 10%/năm, lãi suất Nuá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả 10%, mục đích vay Chăn nuôi, sửa chữa chuồng trại, buôn bán nhỏ, mua sắm vặt dụng sinh hoạt, thời hạn vay 36 tháng. Nuá trình vay, đến ngày 21/7/2022 còn nợ Ngân hàng S - Phòng giao dịch huyện Hòa Vang số tiền 57.227.214 đồng và nợ Ngân hàng N - Chi nhánh Khu C nghiệp Hòa Khánh Nam – Phòng giao dịch Hòa Sơn số tiền 45.295.479 đồng. Ly hôn, bà N và ông M thỏa thuận: Ông M trả cho Ngân hàng N số tiền 20.000.000 đồng, số tiền gốc và lãi còn lại bà N có nghĩa vụ trả cho ngân hang. Ông M trả cho Ngân hàng S - Phòng giao dịch huyện Hòa Vang số

tiền gốc và lãi phát sinh.

Người có Nuyền lợi và nghĩa vụ L Nuan:

- Đại diện theo ủy Nuyền của Ngân hàng S ông Đoàn Ngọc C vắng mặt nhưng Nuá trình giải Nuyết vụ án đã trình bày:

- Ông Ngô M và bà Nguyễn Thế Mỹ N có vay Ngân hàng S - Phòng giao dịch huyện Hòa Vang số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng vay số: 23056/2020/HĐ-TD ngày 20/11/2020, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 23/11/2025, lãi suất vay 7,92%, lãi suất Nuá hạn 10,2960%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 23 hàng tháng, bắt đầu từ 23/5/2021 mỗi tháng 5.000.000 đồng, mục đích để hỗ trợ việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và 10.000.000 đồng theo Sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ ngày 23/5/2020, mã món vay: 6600000719260087, mã khách hang 7072130655, lãi suất 9,0%/năm, lãi suất Nuá hạn 11,70%/năm, thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần, số tiền trả 1.000.000 đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 23/11/2025, định kỳ trả nợ hàng tháng vào ngày 23, mục đính vay nước sạch vệ sinh môi trường. Đến ngày 21/7/2022, ông Ngô M và bà Nguyễn Thế Mỹ N còn nợ ngân hàng số tiền 57.227.214 đồng. Ly hôn đề nghị ông M, bà N trả tiền trước khi ly hôn.

- Đại diện theo ủy Nuyền của Ngân hàng N, bà Lê Thị Thanh N vắng mặt nhưng Nuá trình giải Nuyết vụ án đã trình bày:

- Ông Ngô M và bà Nguyễn Thế Mỹ N có vay Ngân hàng N số tiền 90.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 2013-LAV-202000629 ngày 19/6/2020, lãi suất 10%/năm, lãi suất Nuá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả 10%, mục đích vay Chăn nuôi, sửa chữa chuồng trại, buôn bán nhỏ, mua sắm vặt dụng sinh hoạt, thời hạn vay 36 tháng. Nuá trình vay, đến ngày 21/7/2022 còn nợ Ngân hang số tiền gốc và lãi 45.295.479 đồng. Ly hôn, ngân hang đề nghị ông M và bà N tiếp tục trả nợ theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong Nuá trình giải Nuyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng Nuy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nuy định tại Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia D, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thế Mỹ N đối với ông Ngô M, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thế Mỹ N đối với ông Ngô M với các nội dung cụ thể sau:

1. Về Nuan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thế Mỹ N và ông Ngô M.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giao con chung và cấp dưỡng nuôi con như sau:

Giao con chung là cháu Ngô Anh P, sinh ngày 27/7/2011 cho bà Nguyễn Thế Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Giao con chung là cháu Ngô Anh Đ, sinh ngày 16/10/2015 cho ông Ngô M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các Nuyền và nghĩa vụ đối với con chung theo Nuy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thế Mỹ N và ông Ngô M xác định không yêu cầu Toà án giải Nuyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thế Mỹ N ông Ngô M tiếp tục cùng có nghĩa vụ trả nợ chung cho Ngân hàng N và Ngân hàng S theo thời hạn hợp đồng tín dụng bà N, ông M đã ký với hai ngân hang trên. Nếu bên nào vi phạm hợp đồng thì giải Nuyết bằng vụ án khác, không giải Nuyết khoản nợ trong vụ án này.

5. Án phí hôn nhân gia D sơ thẩm, bà Nguyễn Thế Mỹ N phải chịu theo Nuy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu Nuan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

Về tố tụng: Bà Nguyễn Thế Mỹ N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải Nuyết ly hôn, tranh chấp nuôi con và nợ chung khi ly hôn đối với bị đơn ông Ngô M; trú tại: Thôn Q, xã Hòa L, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải Nuyết đơn khởi kiện của bà N là đúng thẩm Nuyền được Nuy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về Nuan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thế Mỹ N và ông Ngô M đều xác định vợ chồng xác lập Nuan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa L, huyện Hòa Vang, T phố Đà Nẵng năm 2015 nên đây là Nuan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật C nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn thì thấy:

[1.1] Bà N cho rằng, Nuá trình chung sống thì vợ chồng không có sự tin tưởng, ông M có tính vũ phu và bạo lực gia D, gia D hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng tình C vợ chồng không hàn gắn được. Hiện hai người đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Nay bà N nhận thấy tình C giữa vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không Đ được nên bà N yêu cầu Tòa án được ly hôn với ông Ngô M.

[1.2] Ông M cho rằng, Nuá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà N ngoại tình, gia D hai bên đã vào can thiệp hòa giải nhưng không có kết Nuả, hiện hai người đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Nay ông M nhận thấy tình C giữa vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không Đ được nên ông M đồng ý ly hôn với bà N.

Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông M đã không có hạnh phúc Ny từ đầu, cụ thể năm 2011 sau khi kết hôn vơ chòng đã ly hôn cùng năm, năm 2015 tái hôn và đăng ký kết hôn lại. Đến thời gian hiện nay, vợ chồng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, không thể hành gắn được. Hai người đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Nay cả hai người cùng thống nhất ly hôn. Việc thống nhất ly hôn của bà N và ông M là sự tự nguyện không trái đạo đức xẽ hội, nhưng do ông M vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông M và bà N.

[2] Về con chung: Bà N và ông M đều xác nhận, vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Ngô Anh P, sinh ngày 27/7/2011 và Ngô Anh Đ, sinh ngày 16/10/2015.

Ly hôn, bà N xin được nuôi hai con, yêu cầu ông M cấp dưỡng hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000đ/01 con/tháng), đến khi lần lượt từng con đủ 18 tuổi. Trường hợp không được nuôi hai con thì xin được nuôi con Ngô Anh P, sinh ngày 27/7/2011, giao con Ngô Anh Đ, sinh ngày 16/10/2015 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Ông M đồng ý với P án giao con Ngô Anh P, sinh ngày 27/7/2011 cho bà N nuôi dưỡng, ông M nuôi con Ngô Anh Đ, sinh ngày 16/10/2015, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Xét nguyện vọng của bà N và ông M thì thấy: Cả bà N và ông M đều có Nuyền và nghĩa vụ đối với con chung, cũng như có Nuyền nuôi con; đồng thời, bà N và ông M đều có điều kiện để nuôi con, trông nom, chăm sóc, giáo dục con. Tuy nhiên, việc giao con cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng phải bảo đảm Nuyền lợi về mọi mặt của con, ông M và bà N có hai con chung, do đó không thể giao hai con chung cho một mình bà N trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của bà được. Nuá trình giải Nuyết vụ án, tại Biên bản hòa giải ngày 17/3/2022 và Văn bản thỏa thuận ngày 22/6/2022, ông M và bà N đã thỏa thuận được việc nuôi con, tại phiên tòa bà N cũng đề nghị ghi nhận việc thỏa thuận nuôi con như Văn bản thỏa thuận ngày 22/6/2022, cụ thể:

Giao con chung là cháu Ngô Anh P, sinh ngày 27/7/2011 cho bà Nguyễn Thế Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Giao con chung là cháu Ngô Anh Đ, sinh ngày 16/10/2015 cho ông Ngô M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Xét việc thỏa thuận trên của bà N và ông M là tự nguyện không trái đạo đức xã hội, do ông M vắng mặt nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con của bà N và ông M.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các Nuyền và nghĩa vụ đối với con chung theo Nuy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà N và ông M đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải Nuyết.

[4] Về nợ chung: Đến ngày 21/7/2022 bà N và ông M con nợ Ngân hàng S số tiền 57.227.214 đồng và nợ Ngân hàng N số tiền 45.295.479 đồng. Ly hôn, bà N và

ông M thỏa thuận: Ông M trả cho Ngân hàng N số tiền 20.000.000 đồng, số tiền gốc và lãi còn lại bà N có nghĩa vụ trả cho ngân hàng nông nghiệp. Ông M trả cho Ngân hàng S - Phòng giao dịch huyện Hòa Vang số tiền gốc và lãi phát sinh.

Hội đồng xét xử xét thấy, khoản vay trên của ông M và bà N tại Ngân hàng N - Chi nhánh Khu C nghiệp Hòa Khánh Nam – Phòng giao dịch Hòa Sơn tại Hợp đồng tín dụng số 2013-LAV-202000629 ngày 19/6/2020, lãi suất 10%/năm, lãi suất Nuá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả 10%, mục đích vay Chăn nuôi, sửa chữa chuồng trại, buôn bán nhỏ, mua sắm vặt dụng sinh hoạt, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng 19/6/2023.

Khoản vay tại Ngân hàng S - Phòng giao dịch huyện Hòa Vang theo Hợp đồng tín dụng số: 23056/2020/HĐ-TD ngày 20/11/2020, số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 7,92%, lãi suất Nuá hạn 10,2960%/năm, kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 23 hàng tháng, bắt đầu từ 23/5/2021, mỗi tháng 5.000.000 đồng, mục đích để hỗ trợ việc làm, duy trì, mở rộng việc làm, hạn trả cuối cùng 23/11/2025 và 10.000.000 đồng theo Sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ ngày 23/5/2020, mã món vay: 6600000719260087, mã khách hàng 7072130655 *(sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng)*, lãi suất 9,0%/năm, lãi suất Nuá hạn 11,70%/năm, thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần, số tiền trả 1.000.000 đồng/lần, định kỳ trả nợ hang tháng vào ngày 23, mục đính vay nước sạch vệ sinh môi trường, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 23/11/2025.

Xét thấy, cả ba khoản vay trên của ông M và bà N đều chưa đến hạn trả nợ. Bà N và ông M không vi phạm hợp đồng tín dụng để buộc phải trả nợ trước hạn. Việc ly hôn là Nuyền định đoạt Nuan hệ hôn nhân của ông M và bà N không ảnh hưởng đến khoản vay của Ngân hàng. Ngân hàng không có yêu cầu độc lập. Đây là khoản vay chung của bà N và ông M trong thời kỳ hôn nhân nên ông M và bà N ly hôn thì vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ cùng trả nợ cho Ngân hàng S và Ngân hàng N theo đúng nội dung hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng. Do đó, việc thỏa thuận trả nợ của ông M và bà N không được chấp nhận và việc Ngân hàng S đề nghị trả nợ trước khi ly hôn là không có căn cứ. Hội đồng xét xử không xem xét việc trả nợ trong vụ án này. Nếu sau này bên nào vi phạm hợp đồng tín dụng thì giải Nuyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia D sơ thẩm, bà Nguyễn Thế Mỹ N phải chịu theo Nuy định.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

NUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, 58; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia D; Điều 147, Điều 266 và Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Nuyết số 326/2016/UBTVNH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Nuốc hội Nuy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thế Mỹ N đối với ông Ngô M về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và nợ chung".

Tuyên xử:

[1] Về Nuan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thế Mỹ N và ông Ngô M.

[2] Về Nuan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc giao con và cấp dưỡng nuôi con như sau:

- Giao con chung là cháu Ngô Anh P, sinh ngày 27/7/2011 cho bà Nguyễn Thế Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Giao con chung là cháu Ngô Anh Đ, sinh ngày 16/10/2015 cho ông Ngô M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các Nuyền và nghĩa vụ đối với con chung theo Nuy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải Nuyết.

[4]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thế Mỹ N ông Ngô M tiếp tục cùng có nghĩa vụ trả nợ chung cho Ngân hàng S theo Hợp đồng tín dụng số: 23056/2022/HĐ-TD ngày 20/11/2020 và theo Sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ ngày 23/5/2020, mã món vay: 6600000719260087, mã khách hàng 7072130655. Tiếp tục cùng trả nợ cho Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng số 2013-LAV-202000629 ngày 19/6/2020. Nếu sau này bên nào vi phạm hợp đồng tín dụng thì giải Nuyết bằng vụ án khác.

[5] Án phí hôn nhân gia D sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thế Mỹ N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà N đã nộp tại biên lai thu số 0004089 ngày 15/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà N đã nộp đủ án phí.

[6] Về kháng cáo: Nguyên đơn được Nuyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 21/7/2022. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được Nuyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo Nuy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Nuyền thỏa thuận thi hành án, Nuyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Nuy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Nuy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa L, huyện Hòa Vang Số 35/2015;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thế Anh